

Số/ No: 14013.2507/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.4885 2506
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.12995 2506
Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

1. Đơn vị yêu cầu/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
2. Nơi lấy mẫu/ Place of sampling : NHÀ MÁY CẤP NƯỚC CHÂU PHA
3. Địa chỉ/ Address : Ấp Bàu Phụng, Xã Châu Pha, Thị xã Phú Mỹ
4. Ngày lấy mẫu/ Date of receiving : 09/06/2025
5. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 01/07/2025
6. Người lấy mẫu/ Sampling staff : Huỳnh Ngọc Tuấn – Huỳnh Tấn Thịnh
7. Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch
8. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu/ Sampling and preservation methods : SOP.02-060
9. Vị trí lấy mẫu/ Location of sampling : NHÀ MÁY CẤP NƯỚC CHÂU PHA NTN1

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	Ngưỡng giới hạn cho phép QCDP 01: 2022/BR-VT
1.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 3
2.	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 1
3.	Clo dư tự do (*)	TCVN 6225-2 : 2021	0,63	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4.	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	7,01	-	trong khoảng 6,0-8,5
5.	Độ đục (*)	SMEWW 2130 B : 2023	Không phát hiện (LOD=0,15)	NTU	2
6.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2023	Không phát hiện (LOD=3)	TCU	15
7.	Mùi vị	SOP.01-436 : 2022 (Ref. TCVN 2653: 1978, SMEWW 2150B, 2160B : 2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ

Ghi chú/ Notes: Nhận xét: Mẫu có kết quả phân tích nằm trong giới hạn cho phép theo QCDP 01:2022/BR-VT
Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)

(s/c) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm

Số/ No: 14014.2507/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.4885 2506
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.12996 2506
Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

1. Đơn vị yêu cầu/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
2. Nơi lấy mẫu/ Place of sampling : NHÀ MÁY CẤP NƯỚC CHÂU PHA
3. Địa chỉ/ Address : Ấp Bàu Phụng, Xã Châu Pha, Thị xã Phú Mỹ
4. Ngày lấy mẫu/ Date of receiving : 09/06/2025
5. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 01/07/2025
6. Người lấy mẫu/ Sampling staff : Huỳnh Ngọc Tuấn – Huỳnh Tấn Thịnh
7. Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch
8. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu/ Sampling and preservation methods : SOP.02-060
9. Vị trí lấy mẫu/ Location of sampling : Hộ dân Nguyễn Quang Minh, Ấp Tân Ro, Xã Châu Pha, Thị xã Phú Mỹ
Ký hiệu: NTN2

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	Ngưỡng giới hạn cho phép QCDP 01: 2022/BR-VT
1.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 3
2.	<i>Escherichia coli</i> (*)	ISO 9308-1:2014/Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 1
3.	Clo dư tự do (*)	TCVN 6225-2 : 2021	0,52	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4.	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	6,97	-	trong khoảng 6,0-8,5
5.	Độ đục (*)	SMEWW 2130 B : 2023	0,51	NTU	2
6.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2023	Không phát hiện (LOD=3)	TCU	15
7.	Mùi vị	SOP.01-436 : 2022 (Ref. TCVN 2653: 1978, SMEWW 2150B, 2160B : 2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ

Ghi chú/ Notes: Nhận xét: Mẫu có kết quả phân tích nằm trong giới hạn cho phép theo QCDP 01:2022/BR-VT
Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.
(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm

Số/ No: 14015.2507/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.4885 2506
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.12997 2506
Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

1. Đơn vị yêu cầu/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
2. Nơi lấy mẫu/ Place of sampling : NHÀ MÁY CẤP NƯỚC CHÂU PHA
3. Địa chỉ/ Address : Ấp Bàu Phụng, Xã Châu Pha, Thị xã Phú Mỹ
4. Ngày lấy mẫu/ Date of receiving : 09/06/2025
5. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 01/07/2025
6. Người lấy mẫu/ Sampling staff : Huỳnh Ngọc Tuấn – Huỳnh Tấn Thịnh
7. Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch
8. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản : SOP.02-060
mẫu/ Sampling and preservation methods
9. Vị trí lấy mẫu/ Location of sampling : Trạm tăng áp Sông Xoài, Xã Sông Xoài, Thị xã Phú Mỹ
Ký hiệu NTN3

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	Ngưỡng giới hạn cho phép QCDP 01: 2022/BR-VT
1.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 3
2.	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/Amd 1 : 2016	< 1	CFU/100mL	< 1
3.	Clo dư tự do (*)	TCVN 6225-2 : 2021	0,50	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4.	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	7,00	-	trong khoảng 6,0-8,5
5.	Độ đục (*)	SMEWW 2130 B : 2023	Không phát hiện (LOD=0,15)	NTU	2
6.	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2023	Không phát hiện (LOD=3)	TCU	15
7.	Mùi vị	SOP.01-436 : 2022 (Ref. TCVN 2653: 1978, SMEWW 2150B, 2160B : 2023)	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ

Ghi chú/ Notes: Nhận xét: Mẫu có kết quả phân tích nằm trong giới hạn cho phép theo QCDP 01:2022/BR-VT
Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.
(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 10
Date of issue: 15/11/2024

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE